TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2026/DS-PT
Ngày: 26 - 01 - 2026
V/v tranh chấp nghĩa vụ dân sự và tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Lê Phương

Ông Nguyễn Anh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Khang là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Mai Chăm – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12, 23 và 26 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 414/2025/TLPT-DS ngày 14 tháng 11 năm 2025, về việc: "*Tranh chấp nghĩa vụ dân sự và tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, do Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2025/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 16 – Lâm Đồng bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 659/2025/QĐ-PT ngày 04 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 467/2025/QĐ-PT ngày 23 tháng 12 năm 2025 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 04/2026/QĐPT-DS ngày 12 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị B, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số 83 đường Trung tâm xã, thôn 1, xã N1, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Trương Hoài V, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn LH 2, xã T1, tỉnh Lâm Đồng (Theo văn bản ủy quyền ngày 10/4/2025), (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Thái B1, sinh năm 2000; Địa chỉ: Thôn LT, xã T1, tỉnh Lâm Đồng (Theo văn bản ủy quyền ngày 12/01/2026), (có mặt ngày 12/01/2026, vắng mặt ngày 23 và 26/01/2026).

- *Bị đơn:* Ông Phạm Ng, sinh năm 1968 (có mặt)

Bà Huỳnh Thị Ph, sinh năm 1970 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Xóm 3, thôn 7, xã N1, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lưu Thị Thanh C, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số 33 đường số 17, xóm 3, thôn 7, xã N1, tỉnh Lâm Đồng (Theo văn bản ủy quyền ngày 20/8/2025), (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Tây Th1, sinh năm 1961; Địa chỉ: Số 83 đường Trung tâm xã, thôn 1, xã N1, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Phạm Ng và bà Huỳnh Thị Ph.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn bà Trương Thị B và người đại diện theo ủy quyền ông Trương Hoài V trình bày:

Bà Trương Thị B yêu cầu vợ chồng bà Huỳnh Thị Ph, ông Phạm Ng liên đới trả cho vợ chồng bà Trương Thị B, ông Lê Tây Th1 số tiền là 75.800.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Căn cứ khởi kiện:

Khoản nợ thứ nhất: Vợ chồng bà Ph, ông Ng có mua hàng tạp hóa của bà B, đến ngày 29/7/2013 (âm lịch) thì lập giấy chốt lại số tiền còn nợ mua hàng là 26.800.000 đồng. Sau khi chốt nợ đến nay, vợ chồng bà Ph, ông Ng không trả nợ đầy đủ cho bà B.

Khoản nợ thứ hai: Vào ngày 24/1/2013 (âm lịch), vợ chồng bà Ph, ông Ng có vay của bà B số tiền 24.000.000 đồng, vay theo hình thức trả góp trong 12 tháng từ ngày 24/2/2013 (âm lịch) đến ngày 24/1/2014 (âm lịch). Khi giao tiền có lập giấy và ký xác nhận; sau khi vay, vợ chồng ông Ng, bà Ph vẫn chưa góp đủ.

Khoản nợ thứ ba: Vào ngày 26/8/2013 (âm lịch), vợ chồng bà Ph, ông Ng có tham gia huê hụi do bà B làm chủ, bà Ph và ông Ng đã đăng ký lĩnh hụi ở kỳ đầu tiên với số tiền 60.000.000 đồng, hai bên có lập giấy chốt tiền nợ hụi, vợ chồng bà Ph, ông Ng phải đóng tiền hụi chết hàng tháng, nhưng không đóng đầy đủ. Đến khi mãn hụi cho đến nay thời gian đã lâu nhưng vợ chồng bà Ph, ông Ng không trả.

Tổng cộng của 03 khoản nợ là 110.800.000 đồng, gồm: 60.000.000 đồng nợ hụi, 24.000.000 đồng nợ vay góp và 26.800.000 đồng tiền nợ mua hàng tạp hóa. Sau đó nhiều năm mà vợ chồng bà Ph, ông Ng chỉ trả được số tiền là 35.000.000 đồng, hiện còn nợ lại là 75.800.000 đồng.

Tại bản tự khai trình bày ý kiến tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bà B yêu cầu vợ chồng bà Ph, ông Ng phải trả số nợ gốc là 75.800.000 đồng, cụ thể:

- Xác định số nợ hụi 60.000.000 đồng theo giấy lập ngày 26/8/2013 (âm lịch) đã trả được 10.000.000 đồng, còn nợ 50.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày kết thúc thời hạn trả nợ là 27/8/2014 (âm lịch) đến nay với lãi suất là 9%/năm.

- Xác định số nợ vay 24.000.000 đồng đã trả được 4.000.000 đồng, còn nợ 20.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày kết thúc thời hạn trả nợ là 25/01/2014 (âm lịch) đến nay với lãi suất là 9%/năm.

- Xác định số nợ mua hàng 26.800.000 đồng, đã trả 21.000.000 đồng, còn nợ 5.800.000 đồng, chỉ yêu cầu hoàn trả nợ gốc, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn vợ chồng ông Phạm Ng, bà Huỳnh Thị Ph và người đại diện theo ủy quyền bà Lưu Thị Thanh C trình bày:

Vào năm 2013, vợ chồng ông Ng, bà Ph có mở tiệm ăn uống nhỏ, có mua hàng tạp hóa như bia, nước giải khát ... của bà B và có nợ một số tiền. Đến khoảng tháng 7/2013 thì ngừng việc buôn bán do gặp khó khăn. Khi đó, số tiền nợ mua hàng của bà B được các bên tính toán là khoảng 16.000.000 đồng, có lập giấy chốt nợ. Đến tháng 11/2013, vợ chồng ông Ng, bà Ph tham gia một đầu hụi do bà B làm chủ, số tiền 3.000.000/tháng, với 12 chân tham gia, nếu lĩnh hụi cuối sẽ được 36.000.000 đồng, nhưng bà B yêu cầu vợ chồng bà Ph, ông Ng lĩnh hụi đầu để lấy tiền hụi trừ nợ tiền mua hàng. Vợ chồng bà Ph, ông Ng đã được cho lĩnh hụi số tiền khoảng 29.000.000 đồng, bà B cấn trừ khoảng 16.000.000 đồng nợ mua hàng, còn lại 13.000.000 đồng trả tiền mặt cho vợ chồng ông Ng, bà Ph, trước khi nhận tiền bà B yêu cầu phải ký vào cuốn sổ mới được nhận, vợ chồng ông Ng, bà Ph đã ký vào tờ giấy trắng trong cuốn sổ của bà B và nhận số tiền hụi còn lại khoảng 13.000.000 đồng. Sau khi lĩnh hụi, vợ chồng bà Ph, ông Ng đã đóng được khoảng 5 tháng hụi chết, còn lại 7 tháng hụi chết, do lâm vào hoàn cảnh khó khăn phải chuyển đi nơi khác làm ăn sinh sống, ông Ng lâm bệnh nên chưa thanh toán được cho bà B. Ngoài ra, vợ chồng bà Ph, ông Ng còn vay tiền góp của bà B số tiền 24.000.000 đồng, trả góp ngày 100.000 đồng, trả trong 10 tháng tổng số tiền gốc và lãi thành 30.000.000 đồng. Vợ chồng bà Ph, ông Ng cũng đã trả đủ số tiền góp ngày 100.000 đồng trong 10 tháng hết số nợ 30.000.000 đồng cho bà B. Hiện nay, vợ chồng bà Ph, ông Ng xác định chỉ còn nợ bà B khoảng 07 tháng hụi chết với số tiền 21.000.000 đồng, chấp nhận trả số tiền này với điều kiện là bà B phải chứng minh đã sử dụng tiền của mình để thanh toán thay tiền hụi chết cho vợ chồng ông Ng, bà Ph, nếu không chứng minh được thì không chấp nhận trả. Ngoài khoản nợ này vợ chồng ông Ng, bà Ph không còn nợ bà B khoản tiền nào khác. Vợ chồng ông Ng, bà Ph yêu cầu bà B phải chịu chi phí giám định và hoàn trả lại số tiền giám định này.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Tây Th1 trình bày: Ông Lê Tây Th1 và bà Trương Thị B là vợ chồng, ông Th1 thống nhất với bà B về việc khởi kiện.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2025/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 16 – Lâm Đồng đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 *(sửa đổi, bổ sung năm 2025 theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội)*; Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự

năm 2015; khoản 1 Điều 5, điểm b khoản 3 Điều 6 và điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị B: Buộc vợ chồng ông Phạm Ng và bà Huỳnh Thị Ph có nghĩa vụ liên đới phải trả cho vợ chồng bà Trương Thị B và ông Lê Tây Th1 số tiền 145.960.000 đồng, trong đó 75.800.000 đồng nợ gốc và 70.160.000 đồng tiền lãi.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên lãi suất chậm thi hành án, án phí, chi phí tố tụng khác, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/9/2025, ông Phạm Ng và bà Huỳnh Thị Ph kháng cáo yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn ông Phạm Ng, bà Huỳnh Thị Ph và người đại diện theo ủy quyền thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ông Nguyễn Thái B1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trương Thị B đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

1. Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

2. Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2025/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 16 – Lâm Đồng và buộc người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trương Thị B và người đại diện theo ủy quyền ông Trương Hoài V vắng mặt, nhưng có mặt người đại diện theo ủy quyền khác của nguyên đơn là ông Nguyễn Thái B1; ông Lê Tây Th1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng này theo đề nghị của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Phạm Ng, bà Huỳnh Thị Ph; Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình

bày và tranh luận tại phiên tòa của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Bà Trương Thị B khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Phạm Ng, bà Huỳnh Thị Ph trả tổng cộng là 75.800.000 đồng gồm 03 khoản nợ là nợ hụi, nợ vay trả góp và tiền nợ mua hàng tạp hóa. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà B cung cấp 02 tờ giấy viết tay bản gốc, trong đó tờ giấy thứ nhất ở mặt trước ghi nội dung số nợ 60.000.000 đồng; tờ giấy thứ hai ở mặt trước ghi nội dung số nợ 24.000.000 đồng và mặt sau tờ giấy ghi nội dung số nợ 26.800.000 đồng. Bà Ph và ông Ng đều thừa nhận chữ ký, chữ viết tên Huỳnh Thị Ph, Phạm Ng trên các tài liệu này là chữ ký, chữ viết tên của bà Ph và ông Ng.

[2.2] Đối với tờ giấy ghi khoản tiền nợ hụi 60.000.000 đồng:

Vợ chồng ông Phạm Ng, bà Huỳnh Thị Ph cho rằng nội dung thỏa thuận số nợ 60.000.000 đồng ở mặt trước và chữ ký ghi họ tên của bà Ph, ông Ng ở mặt sau được ký không cùng thời điểm; Lý do ông Ng, bà Ph ký tên ở mặt sau tờ giấy này là do bà B yêu cầu bà Ph, ông Ng ký vào tờ giấy trắng không có nội dung để được giải quyết cho lĩnh tiền hụi 29.000.000 đồng, trừ 16.000.000 đồng tiền nợ mua hàng, còn lại thực nhận khoảng 13.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại Kết luận giám định số 475/KL-KTHS ngày 06/8/2025 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định không đủ cơ sở để kết luận về việc viết trước, sau hay cùng thời điểm. Bà Ph, ông Ng cũng không cung cấp được chứng cứ nào khác chứng minh cho lời khai của mình.

Xét nội dung giấy đã thể hiện rõ vợ chồng bà Ph, ông Ng nợ bà B 60.000.000 đồng, mặc dù trong giấy ghi mượn số tiền 60.000.000 đồng nhưng bà B xác định đã chuyển từ nợ hụi sang chốt nợ. Đối với khoản tiền này, bà Ph và ông Ng không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã trả nợ cho bà B, nhưng bà B đã xác định vợ chồng bà Ph, ông Ng trả một phần, hiện còn nợ lại 50.000.000 đồng.

Theo nội dung giấy nợ không thỏa thuận lãi nhưng có ghi thời hạn cuối cùng thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vào ngày 26/8/2014 (âm lịch), nên kể từ ngày 27/8/2014 (âm lịch) tính đến nay, vợ chồng bà Ph, ông Ng chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả lãi với mức lãi suất 9%/năm là có căn cứ. Theo đó lãi được tính từ ngày 27/8/2014 âm lịch (ngày 20/9/2014 dương lịch) đến ngày 10/9/2025 là 10 năm 11 tháng 20 ngày x 9%/năm x 50.000.000 đồng = 49.375.000 đồng.

[2.3] Đối với khoản tiền 26.800.000 đồng:

Bị đơn cho rằng số nợ thực tế khoảng 16.000.000 đồng, không phải là 26.800.000 đồng như giấy nợ đã ghi và yêu cầu trưng cầu giám định. Tại Kết luận giám định số 475/KL-KTHS ngày 06/8/2025 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận nguyên gốc số 26.800.000 đồng trước khi chỉnh sửa là 16.800.000 đồng. Nguyên đơn thừa nhận do bị ghi nhầm nên hai bên có sự chỉnh sửa số tiền từ 16.800.000 đồng thành 26.800.000 đồng cho phù

hợp với số nợ mà hai bên tính toán với nhau và ngay tại thời điểm lập giấy, có sự chứng kiến xác nhận của bà Ph.

Bà Ph, ông Ng không xác định được chính xác số nợ mua hàng là bao nhiêu, mà chỉ ước tính khoảng 16.000.000 đồng và không có tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh lời khai của mình cũng như chứng minh đã trả nợ. Bà B xác nhận bà Ph, ông Ng đã trả được 21.000.000 đồng, hiện còn lại 5.800.000 đồng. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm buộc ông Ng, bà Ph phải có nghĩa vụ trả số tiền còn lại 5.800.000 đồng cho bà B là có căn cứ. Đối với khoản tiền này, bà B không yêu cầu tính lãi nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là đúng quy định.

[2.4] Đối với khoản tiền 24.000.000 đồng:

Bà Ph, ông Ng thừa nhận có vay của vợ chồng bà B 24.000.000 đồng như giấy vay mà bà B xuất trình, nhưng cho rằng đã trả góp mỗi ngày 100.000 đồng trong 10 tháng, nên đã trả hết nợ nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh. Bà B xác nhận bị đơn đã trả một phần hiện còn nợ số tiền 20.000.000 đồng.

Theo giấy nợ không thỏa thuận trả lãi nhưng có ghi thời hạn cuối cùng thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vào ngày 24/01/2014 (âm lịch), nên Toà án cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả số nợ gốc và lãi phát sinh kể từ ngày 25/01/2014 âm lịch (ngày 24/02/2014 dương lịch) tính đến ngày xét xử sơ thẩm 10/9/2025 theo mức lãi suất 9%/năm, thành tiền là 20.785.000 đồng là có căn cứ.

[3] Từ nhận định trên, xét thấy ông Phạm Ng, bà Huỳnh Thị Ph kháng cáo nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì mới ngoài lời trình bày và các chứng cứ xuất trình tại Tòa án cấp sơ thẩm, nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Ng, bà Ph, như quan điểm của Kiểm sát viên là phù hợp.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phạm Ng, bà Huỳnh Thị Ph; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2025/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 16 – Lâm Đồng.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 161, khoản 1 Điều 184 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 5, điểm b khoản 3 Điều 6 và điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26,

khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị B: Buộc vợ chồng ông Phạm Ng và bà Huỳnh Thị Ph có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà Trương Thị B, ông Lê Tây Th1 tổng cộng 145.960.000 đồng *(Một trăm bốn mươi lăm triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng)*, gồm: 75.800.000 đồng tiền nợ gốc và 70.160.000 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc vợ chồng ông Phạm Ng và bà Huỳnh Thị Ph phải chịu toàn bộ tiền chi phí giám định; Ông Phạm Ng và bà Huỳnh Thị Ph đã nộp đủ.

3. Về án phí:

- Buộc vợ chồng ông Phạm Ng và bà Huỳnh Thị Ph phải chịu 7.298.000 đồng *(Bảy triệu, hai trăm chín mươi tám nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho bà Trương Thị B 3.895.000 đồng *(Ba triệu, tám trăm chín mươi lăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0001689 ngày 17/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T1, tỉnh Bình Thuận (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 16 - Lâm Đồng).

- Buộc vợ chồng ông Phạm Ng và bà Huỳnh Thị Ph mỗi người phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 600.000 đồng *(Sáu trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003471 và số 0003472 cùng ngày 26/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng; Ông Phạm Ng và bà Huỳnh Thị Ph đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (26/01/2026).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND khu vực 16 – Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 16 – Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 16 – Lâm Đồng;
- Lưu: hồ sơ, Tổ HCTP, TDS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Thái

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Lê Phương **Nguyễn Anh Dũng** **Nguyễn Hồng Thái**